

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 9 - 2017

V/v Ly hôn giữa chị Y và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Hùng.

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Y (H), sinh năm 1979; địa chỉ: 532 ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- *Bi đơn:* Anh Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1974; địa chỉ: 532^A ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị Y trình bày: Về hôn nhân: Chị Y và anh Huỳnh Ngọc H tự chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, đến ngày 13/9/2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 40. Sau kết hôn chị Y và anh H chung sống tại ấp H, xã V, do anh H thường xuyên cờ bạc gây nợ, nên chị Y và anh H thường xuyên cự cãi, dẫn đến vào năm 2015 chị Y đã khởi kiện xin ly hôn anh H, Tòa án L xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y. Chị Y kháng cáo lên cấp phúc thẩm và rút toàn bộ đơn kháng cáo. Sau rút toàn bộ đơn, chị Y và anh H chung sống với nhau được vài ngày là không còn chung sống với nhau cho đến nay. Do vợ chồng không còn phù hợp nhau trong quan điểm sống, nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Y và anh H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Hồng Đ, sinh ngày 24/8/1996 và Huỳnh Hoàng S, sinh ngày 12/4/2000. Cháu S đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu S. Riêng cháu Đ đã trưởng thành, muốn sống với chị Y hay anh H là tùy cháu Đ và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng trình bày ý kiến đề ngày 04/8/2017, tại phiên hòa giải ngày 16/8/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Huỳnh Ngọc H trình bày: Về hôn nhân: Anh H thống nhất anh H và chị Y tự chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, đến năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V đúng như chị Y trình bày. Anh H thừa nhận trong thời gian đầu chung sống với chị Y, anh H có cờ bạc, nhưng đã không còn cờ bạc cách nay khoảng 02 năm. Sau chị Y rút đơn xin ly hôn với anh H vào năm 2015, thì anh H và chị Y chung sống lại đến tháng 6/2016 là không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nay anh H cho rằng không biết lý do vì sao chị Y xin ly hôn anh H, nên anh H không đồng ý ly hôn chị Y, yêu cầu chị Y đoàn tụ gia đình để lo cho 02 con chung. Về con chung: Anh H đồng ý anh H và chị Y có 02 con chung đúng như chị Y trình bày, cháu S đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh H đồng ý để cháu S cho chị Y được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi cháu S. Riêng cháu Đ đã trưởng thành, muốn sống với chị Y hay anh H là tùy cháu Đ và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ: Anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Dương Thị Y xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Huỳnh Ngọc H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Y và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh H có địa chỉ cư trú tại số 532^A ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Việc chị Dương Thị Y và anh Huỳnh Ngọc H tự chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, đến ngày 13/9/2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, đã tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, anh H không quan tâm chăm lo phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc làm của anh H đã làm cho chị Y không còn tin tưởng vào anh H dẫn đến chị Y

đã khởi kiện xin ly hôn anh H vào năm 2015. Sau đó chị Y rút lại đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H, nhưng từ khi chị Y rút lại đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H đến nay, thì chị Y và anh H vẫn không thể đoàn tụ gia đình được, do chị Y và anh H không còn tin tưởng nhau trong đời sống chung của vợ chồng. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Y và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và thực tế là chị Y đã không còn chung sống với anh H từ tháng 6/2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Y không đồng ý đoàn tụ gia đình, mà yêu cầu được ly hôn anh H. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Y phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Dương Thị Y và anh Huỳnh Ngọc H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Y và anh H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Hồng Đ, sinh ngày 24/8/1996 và Huỳnh Hoàng S, sinh ngày 12/4/2000, cháu S đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu Đ đã trưởng thành, muốn sống với chị Y hay anh H là tùy cháu Đ và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Đối với cháu S, đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu S; anh H cũng đồng ý để cháu S cho chị Y được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng cho cháu S, đồng thời cháu S cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Y. Xét thấy sự tự thỏa thuận của chị Y và anh H, nguyện vọng của cháu S phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao cháu S cho chị Y được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị Y và anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Y và anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị Y phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Y và anh Huỳnh Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Phạm Hoàng S, sinh ngày 12/4/2000 cho chị Dương Thị Y được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

2.3. Sau khi ly hôn, chị Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Dương Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 16520 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị Y đã nộp đủ án phí).

6. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- Đ/s: P, T;
- Lưu: HSVA, VPTA (Dẫn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Văn Kiến